

Số: /KH-UBND

Dân Tiến, ngày tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/ĐU ngày 30/6/2026 của Đảng ủy xã về
phát triển cây trồng chủ lực trên địa bàn xã Dân Tiến giai đoạn 2026-2030**

Thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/ĐU ngày 30/6/2026 của Đảng ủy xã về phát triển cây trồng chủ lực trên địa bàn xã Dân Tiến giai đoạn 2026-2030.

UBND xã Dân Tiến xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/ĐU ngày 30/6/2026 của Đảng ủy xã về phát triển cây trồng chủ lực trên địa bàn xã Dân Tiến giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đảng ủy xã về phát triển cây trồng chủ lực trên địa bàn xã Dân Tiến giai đoạn 2026-2030.

Phát triển cây trồng chủ lực, sản phẩm nông nghiệp đặc trưng theo chuỗi giá trị là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế nông nghiệp của xã giai đoạn 2026 - 2030; đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và vai trò chủ thể của Nhân dân.

Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, đất đai, khí hậu, truyền thống sản xuất và bản sắc địa phương; phát triển các cây trồng có lợi thế cạnh tranh, trong đó xác định cây chè là cây trồng chủ lực, cây na là cây ăn quả đặc sản có giá trị kinh tế cao, lúa bản địa, đặc sản (lúa Bao Thai và Nếp Hèo) là sản phẩm đặc trưng gắn với bảo đảm an ninh lương thực, bảo tồn giống bản địa và xây dựng thương hiệu địa phương.

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành trồng trọt theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, an toàn, hiệu quả và bền vững; lấy nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm làm mục tiêu xuyên suốt; phát triển sản xuất gắn với nhu cầu thị trường, liên kết chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ.

Phát triển cây trồng chủ lực gắn với ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới tổ chức sản xuất; khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, doanh nghiệp và các hình thức liên kết sản xuất phù hợp; xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, thương hiệu và sản phẩm OCOP, từng bước nâng cao vị thế sản phẩm nông nghiệp của xã trên thị trường.

Phát triển nông nghiệp theo hướng xanh, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; gắn phát triển sản xuất với bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn cảnh quan sinh thái, bản sắc văn hóa và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

2. Yêu cầu

Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về phát triển cây trồng chủ lực trên địa bàn xã giai đoạn 2026-2030.

Phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, các xóm và người đứng đầu trong tổ chức thực hiện.

Các cơ quan, đơn vị có liên quan, cán bộ, công chức, các xóm trên địa bàn xã tổ chức quán triệt, xây dựng kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện. Việc triển khai thực hiện phải đồng bộ, thiết thực, hiệu quả và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên kiểm tra, giám sát và định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm để đề ra các giải pháp kịp thời.

II. CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

2.1. Chỉ tiêu chung

- Giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng trọt đạt từ 110,3 triệu đồng/ha trở lên.

- Duy trì ổn định sản lượng lương thực có hạt khoảng 17.000 tấn/năm, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực.

- Hoàn thành rà soát, số hóa 100% vùng sản xuất tập trung đối với chè, na, lúa chất lượng cao và lúa đặc sản, bản địa; cập nhật, quản lý dữ liệu thường xuyên phục vụ công tác quản lý và phát triển sản xuất.

- Có từ 70% vùng sản xuất cây trồng chủ lực tham gia các hình thức liên kết sản xuất, tiêu thụ ổn định; từ 30 - 40% sản lượng hàng hóa được tiêu thụ thông qua hợp đồng hoặc liên kết bền vững.

- Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã hiện có; thành lập mới từ 02 đến 03 hợp tác xã hoặc tổ hợp tác hoạt động hiệu quả gắn với phát triển cây trồng chủ lực.

- 100% sản phẩm OCOP và sản phẩm chủ lực có bao gói, nhãn hiệu được gắn mã QR; tối thiểu 70% sản lượng hàng hóa trong vùng liên kết có hồ sơ truy xuất nguồn gốc.

- Phấn đấu đến năm 2030, 100% hợp tác xã tham gia sản xuất cây trồng chủ lực ứng dụng nhật ký sản xuất điện tử hoặc các hình thức quản lý sản xuất phù hợp.

- Phát triển mới hoặc nâng hạng từ 03 đến 05 sản phẩm OCOP, ưu tiên đối với các sản phẩm chè, na và gạo đặc sản.

2.3. Chỉ tiêu cụ thể theo nhóm cây trồng

a) Đối với cây lúa (trọng tâm là lúa bản địa, đặc sản: lúa Bao Thai và Nếp Hèo)

- Duy trì ổn định diện tích gieo cấy lúa hằng năm khoảng 1.390 ha theo quy hoạch và điều kiện sản xuất của địa phương; năng suất bình quân đạt từ 56 tạ/ha trở lên; giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng lúa đạt từ 75 triệu đồng/ha trở lên.

- Từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với lúa bản địa, đặc sản; trong đó tập trung phát triển vùng sản xuất lúa Bao Thai tại các xóm Phương Bá, Thịnh Khánh, Đông Quán, Làng Chẽ và vùng lúa Nếp Hèo tại các xóm Phủ Trì, Cao Bản; áp dụng quy trình sản xuất an toàn, tăng cường liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm;

- Xây dựng ít nhất 01 sản phẩm gạo đặc sản đạt tiêu chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên.

- Từng bước xây dựng và phát triển nhãn hiệu đối với sản phẩm gạo đặc sản của địa phương khi đủ điều kiện.

b) Đối với cây na

- Phân đầu đến năm 2030 diện tích trồng na đạt khoảng 50 ha, phát triển tập trung tại các vùng có điều kiện tự nhiên, đất đai và hạ tầng phù hợp.

- Nâng năng suất bình quân trên diện tích na kinh doanh đạt từ 9-10 tấn/ha; giá trị sản phẩm thu được đạt từ 250 triệu đồng/ha trở lên.

- Đến năm 2030, có từ 60% diện tích na trở lên áp dụng quy trình sản xuất an toàn, VietGAP hoặc tương đương; từng bước mở rộng diện tích được cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và liên kết tiêu thụ.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu "Na Dân Tiến"; phân đầu có ít nhất 01 sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên; khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, ứng dụng khoa học, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng, kéo dài thời gian thu hoạch và tăng giá trị sản phẩm.

c) Đối với cây chè

- Phân đầu đến năm 2030, diện tích chè toàn xã đạt 264 ha theo quy hoạch và chỉ tiêu được giao; phát triển vùng chè tập trung gắn với chế biến, tiêu thụ và xây dựng thương hiệu.

- Sản lượng chè búp tươi đạt từ 1.470 tấn/năm; giá trị sản phẩm bình quân trên diện tích chè kinh doanh đạt từ 90 triệu đồng/ha trở lên; nâng cao tỷ lệ sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng.

- Phân đầu có khoảng 70% diện tích chè tập trung áp dụng quy trình sản xuất an toàn; trong đó có tối thiểu 50 ha được chứng nhận VietGAP hoặc tiêu chuẩn tương đương; từng bước mở rộng diện tích được cấp mã số vùng trồng theo quy định.

- Đến năm 2030, 100% cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến chè bảo đảm các quy định về an toàn thực phẩm; từng bước đổi mới công nghệ chế biến, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm.

- Phân đầu có ít nhất 02 sản phẩm chè được công nhận OCOP từ 3 sao trở lên; đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm trên các nền tảng số.

- Khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất chè gắn với trải nghiệm, quảng bá văn hóa trà và phát triển du lịch nông nghiệp phù hợp với điều kiện của địa phương. Phân đầu xây dựng ít nhất 01 - 02 mô hình “vườn chè trải nghiệm” hoặc “điểm trải nghiệm trà Dân Tiến” gắn với giáo dục học đường, du lịch nông nghiệp, văn hóa trà và tiêu thụ sản phẩm tại chỗ.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, phát huy vai trò của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện Nghị quyết; xác định phát triển cây trồng chủ lực là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế nông nghiệp của xã giai đoạn 2026 - 2030.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng nội dung Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp; nâng cao nhận thức về phát triển nông nghiệp hàng hóa, sản xuất theo tiêu chuẩn, liên kết chuỗi giá trị, chuyển đổi số và xây dựng thương hiệu sản phẩm.

Phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; vận động Nhân dân từng bước chuyển đổi tư duy từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa gắn với nhu cầu thị trường, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Đưa kết quả thực hiện Nghị quyết vào nội dung đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

2. Rà soát, quy hoạch và tổ chức phát triển vùng sản xuất tập trung

Rà soát, cập nhật đầy đủ hiện trạng diện tích, năng suất, sản lượng, cơ cấu giống, điều kiện sản xuất và khả năng phát triển đối với từng nhóm cây trồng chủ lực; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách phát triển sản xuất.

Tổ chức lại sản xuất theo vùng tập trung, phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu, nguồn nước, hạ tầng và quy hoạch sử dụng đất; ưu tiên phát triển vùng chè, vùng na và vùng sản xuất lúa chất lượng cao, lúa đặc sản, bản địa; bảo đảm phát triển đúng quy hoạch, không chuyển đổi tự phát, không làm ảnh hưởng đến diện tích đất lúa cần thiết phục vụ mục tiêu bảo đảm an ninh lương thực.

Từng bước xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu số về vùng trồng; thực hiện quản lý vùng sản xuất theo hướng có quy hoạch, có chủ thể tổ chức sản xuất, có quy trình kỹ thuật, có truy xuất nguồn gốc và có liên kết tiêu thụ sản phẩm.

3. Tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển kinh tế tập thể và liên kết tiêu thụ sản phẩm

Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp hiện có; khuyến khích thành lập mới các tổ hợp tác, hợp tác xã gắn với vùng sản xuất cây trồng chủ lực; nâng cao năng lực quản trị, điều hành và tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị.

Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất đầu tư nâng cấp cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản sau thu hoạch; từng bước hình thành chuỗi liên kết từ sản xuất cho đến tiêu thụ sản phẩm phù hợp với từng loại sản phẩm từ cây trồng chủ lực nhằm nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã.

Tăng cường liên kết giữa người sản xuất với doanh nghiệp, cơ sở chế biến, đơn vị phân phối thông qua hợp đồng hoặc các hình thức hợp tác phù hợp; phát huy vai trò của hợp tác xã, tổ hợp tác trong cung ứng vật tư đầu vào, hướng dẫn kỹ thuật, kiểm soát chất lượng, sơ chế, bảo quản, xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm.

4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng sản phẩm

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất; lựa chọn, sử dụng các giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với điều kiện tự nhiên của địa phương; mở rộng áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, an toàn, hữu cơ, VietGAP hoặc tương đương.

Khuyến khích cơ giới hóa trong các khâu sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến và bảo quản; từng bước hiện đại hóa sản xuất nhằm giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu vùng trồng; ứng dụng nhật ký sản xuất điện tử, truy xuất nguồn gốc, mã QR và các nền tảng số phục vụ quản lý, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; nâng cao năng lực quản trị sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi số cho hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân.

5. Xây dựng thương hiệu, phát triển sản phẩm OCOP, đẩy mạnh xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường tiêu thụ

Tập trung xây dựng, phát triển và nâng cao giá trị thương hiệu đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã; ưu tiên xây dựng nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, bao bì, tem nhãn và hệ thống nhận diện sản phẩm phù hợp với yêu cầu của thị trường.

Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm OCOP gắn với cây chè, cây na và gạo đặc sản; nâng cao chất lượng sản phẩm theo hướng thực chất, đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu; mở rộng thị trường tiêu thụ thông qua hệ thống phân phối truyền thống, thương mại điện

tử và các nền tảng số; từng bước đưa sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã tham gia các chuỗi cung ứng trong và ngoài tỉnh.

6. Phát triển nông nghiệp theo hướng đa giá trị gắn với văn hóa, du lịch và xây dựng nông thôn mới

Khai thác hiệu quả giá trị kinh tế, văn hóa và sinh thái của các vùng sản xuất cây trồng chủ lực; từng bước phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp tham quan, trải nghiệm, giáo dục truyền thống và quảng bá sản phẩm phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Gắn phát triển sản xuất nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, cảnh quan nông thôn và bản sắc địa phương; góp phần đa dạng hóa sinh kế, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống Nhân dân.

7. Phát triển nông nghiệp xanh, bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng xanh, an toàn, bền vững; khuyến khích sử dụng vật tư nông nghiệp thân thiện với môi trường, tăng cường dụng phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học, áp dụng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp. Thực hiện tốt công tác thu gom, xử lý chất thải, bao bì thuốc bảo vệ thực vật và các loại chất thải phát sinh trong sản xuất nông nghiệp; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản. Chủ động triển khai các giải pháp phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước và các nguồn lực phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững.

8. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất và các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, liên kết phát triển vùng nguyên liệu, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp phục vụ thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai. Định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết; trên cơ sở đó đánh giá kết quả đạt được, rút kinh nghiệm và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn. Việc thực hiện Nghị quyết; trên cơ sở đó đánh giá kết quả đạt được, rút kinh nghiệm và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Căn cứ kinh phí được giao dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm để triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế xã

- Là cơ quan thường trực tham mưu giúp UBND xã tổ chức, triển khai, kiểm tra và giám sát thực hiện toàn bộ kế hoạch, quản lý tài chính phục vụ thực hiện đề án.

- Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, tổng hợp kết quả và lưu trữ hồ sơ liên quan đến kế hoạch.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch thực hiện nghị quyết hàng năm; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các mô hình nông - lâm nghiệp.

- Tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi, chế biến và tiêu thụ nông sản; nâng cao năng lực trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Hướng dẫn xây dựng, quảng bá sản phẩm OCOP.

- Tham mưu tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết, công tác thi đua, khen thưởng.

2. Phòng Văn hóa xã

Phối hợp với Phòng Kinh tế xã tham mưu cho UBND xã kịp thời động viên khen thưởng những tập thể, các nhân, HTX, tổ hợp tác có thành tích trong phát triển sản phẩm kinh tế, các mô hình điển hình.

3. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến

- Đưa tin, bài tuyên truyền về thực hiện nghị quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng của xã. Thường xuyên xây dựng tin, bài, video quảng bá về sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Tăng cường công tác tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi - thú y cho người dân.

- Chủ động xây dựng và thực hiện các dự án, mô hình phát triển sản xuất đối với cây trồng chủ lực của xã đảm bảo có hiệu quả kinh tế cao để nhân ra diện rộng.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Dân Tiến và các tổ chức chính trị - xã hội xã

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với việc triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

- Chỉ đạo, phối hợp cùng các đoàn thể (*Hội Nông dân, Phụ nữ, Cựu chiến binh, Thanh niên*) tuyên truyền vận động hội viên tích cực tham gia thực hiện đề án, phát động, thực hiện các phong trào “*Toàn dân chung tay xây dựng nông thôn mới*”.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia tích cực các mô hình sản xuất, bảo vệ môi trường và phát triển du lịch bền vững.

- Đề xuất, giới thiệu các hộ dân, cá nhân tiêu biểu để biểu dương, nhân rộng mô hình.

5. Các Ông (Bà) Trưởng xóm trên địa bàn xã

- Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước, các văn bản chỉ đạo của tỉnh, xã tới người dân được biết và thực hiện.

- Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện về UBND xã qua Phòng Kinh tế theo quy định.

- Tuyên truyền tới các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, HTX trên địa bàn chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị để tham gia. Đẩy mạnh đầu tư phát triển các sản phẩm thế mạnh của xã. Phát huy vai trò chủ thể, hạt nhân, dẫn dắt, hỗ trợ HTX, nông hộ sản xuất, kinh doanh, hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/ĐU ngày 30/6/2026 của Đảng uỷ xã về phát triển cây trồng chủ lực trên địa bàn xã Dân Tiến giai đoạn 2026-2030, UBND xã Dân Tiến yêu cầu các cơ quan, đơn vị và các ông (bà) trưởng xóm nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT Đảng uỷ, TT HĐND xã;
- Đ/c CT, các đ/c PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Phòng kinh tế xã;
- Công an xã;
- BCH Quân sự xã;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp Dân Tiến;
- Các ông (bà) trưởng xóm trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, LĐVP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Lê Dũng